TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** TỈNH HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đức Chính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Châu
2. Bà Phạm Thị Tuẫn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đặng Đức Huấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 08/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Lệ Q**, sinh năm 1994;
ĐKTT: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đình K**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Ngô Thị Lệ Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Đình K vào ngày 16/7/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh K sử dụng ma túy, đã cùng gia đình khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi và còn bị xử phạt tù vì mua bán chất trái phép chất ma túy. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị về gia đình bố mẹ đẻ ở Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống; anh chị ly thân, không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Đình K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Hương V, sinh ngày 04/9/2015, hiện do anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chị xác định do điều kiện công việc và chỗ ở của chị chưa ổn định, nên đề nghị Tòa án giao con chung cho anh K tiếp

tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Phạm Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn giữa anh với chị Q đúng như chị Q trình bày. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định sau kết hôn, anh chị chung hạnh phúc. Ngày 01/7/2015 anh bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt tù. Đến cuối năm 2018, anh cải tạo xong về gia đình, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Ngày 25/01/2019 âm lịch, chị Q tự bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân và chị làm đơn xin ly hôn anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Q vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định anh chị có một con chung là Phạm Hương V, sinh ngày 04/9/2015, hiện anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và nhất trí việc chị Q cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/ tháng, kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Lệ Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Thực tế giữa anh chị không còn tình cảm vợ chồng và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, anh K không nhất trí là vì gây khó khăn cho chị; về nuôi con chung: Chị xác định do hiện tại chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con. Mặt khác, từ khi anh K chấp hành án phạt tù xong, về gia đình đã có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, tích cực trong việc chăm sóc con, không có biểu hiện mắc tệ nạn xã hội. Hơn nữa, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh chị có sự hỗ trợ của ông bà nội cháu. Do đó, chị Q giữ nguyên ý kiến đã thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị với anh K.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Lệ Q. Xử cho chị Q ly hôn anh K; Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh K: Giao con chung Phạm Hương V, sinh ngày 04/9/2015 cho anh K nuôi dưỡng, chị Q cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản: Không phải giải quyết; về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Ngô Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Ngô Thị Lệ Q có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị với anh Phạm Đình K, cư trú tại: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Q nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Anh K được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị Lệ Q và anh Phạm Đình K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Giang vào ngày 16/7/2014 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K sử dụng ma túy, chị Q và gia đình khuyên bảo nhưng anh K không từ bỏ, dẫn đến bị kết án phạt tù. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Q về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Anh K không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ. Tuy nhiên, anh không có biện pháp cụ thể nào để cải thiện quan hệ hôn nhân. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Giang, thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị Q và anh K đã trầm trọng, kéo dài; địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết cho chị Q ly hôn anh K. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để xử cho chị Ngô Thị Lệ Q ly hôn anh Phạm Đình K.

[3] Về con chung: Chị Q và anh K có một con chung là Phạm Hương V, sinh ngày 04/9/2015, hiện do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q xác định bản thân chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, còn anh K có đủ điều kiện để nuôi con, nên chị giữ nguyên ý kiến đã thỏa thuận với anh K là giao cho anh K tiếp tục nuôi con và chị cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại lời khai của mình, mẹ đẻ anh K là bà Nguyễn Thị L xác định: Từ khi chấp hành xong hình phạt tù, anh K không có biểu hiện sử dụng ma túy; có thu nhập ổn định từ việc làm phụ xây, làm đá xây dựng và lắp máy điều hòa nhiệt độ thuê; có trách nhiệm trong việc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy anh K có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh K và chị Q là phù hợp.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Lệ Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Lệ Q ly hôn anh Phạm Đình K.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị Lệ Q và anh Phạm Đình K. Giao con chung Phạm Hương V, sinh ngày 04/9/2015 cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Q cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Q chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Lệ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004715 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Q phải nộp thêm 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/5/2019; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N *(để ghi vào sổ Hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính